

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 06-6-2023
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Diệt

2. Ông Lý Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2023/TLST-DS, ngày 07 tháng 02 năm 2023 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ; địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Các bị đơn:

1/ Ông Trần Ngọc H; địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2/ Bà Trần Ngọc T; địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12-12-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:*

Vào ngày 16-10-2021, bà Đ có cho vợ chồng ông Trần Ngọc H và bà Trần Ngọc T vay số tiền là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), việc vay tiền có làm biên nhận do ông H tự tay viết, trong biên nhận có chữ ký của ông H và bà T, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng, thời hạn vay là 30 ngày, tính từ ngày 16-10-2021 đến ngày 16-11-2021. Tuy nhiên, sau khi vay tiền thì vợ chồng ông H,

bà T không thực hiện trả nợ vay và cũng không đóng lãi như đã thỏa thuận. Khi bà Đ yêu cầu trả nợ vay thì vợ chồng ông H, bà T chỉ hứa cho qua chứ không thực hiện việc trả nợ. Do vậy, bà Lê Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc ông Trần Ngọc H và bà Trần Ngọc T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Đ số tiền vốn vay là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

2/ Buộc ông Trần Ngọc H và bà Trần Ngọc T phải trả cho bà Lê Thị Đ tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 1,66%/tháng, tạm tính đến ngày 30-8-2022 làm tròn 10 tháng, với số tiền là 26.560.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

3/ Buộc ông Trần Ngọc H và bà Trần Ngọc T tiếp tục trả cho bà Lê Thị Đ số tiền lãi chậm trả đối với số tiền vốn vay 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) theo mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 30-8-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản ghi lời khai ngày 27-02-2023, bị đơn ông Trần Ngọc H trình bày:*

Vào ngày 16-10-2021, ông H và vợ là Trần Ngọc T có hỏi vay của bà Lê Thị Đ số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) để đầu tư nuôi ba ba, thời hạn vay là 30 ngày. Tuy nhiên, sau khi vay tiền thì xảy ra dịch bệnh, việc nuôi ba ba bị thua lỗ nên không có khả năng trả lại tiền vay cho bà Đ như đã thỏa thuận. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ thì ông H đồng ý trả toàn bộ số tiền vay và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật, nhưng hoàn cảnh gia đình khó khăn phải đi làm thuê, không có đủ khả năng thanh toán một lần nên xin được thanh toán hằng tháng từ 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đến 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

** Đối với bị đơn bà Trần Ngọc T:* Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T tại nơi cư trú do ông H là chồng nhận thay. Nhưng kể từ khi thụ lý vụ án, bà T không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần nhưng không đến nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: bà Đ yêu cầu buộc ông H và bà T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền vốn vay 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả đối với số tiền vốn vay theo mức lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày chậm trả nợ 16-11-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn là 18 tháng, thành tiền là 23.904.000 đồng, nhưng đồng ý giảm số lẽ làm tròn là 23.000.000 đồng. Tổng cộng vốn vay và lãi chậm trả là 183.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu đồng).

Bị đơn ông H trình bày: Vào năm 2021, ông H và bà T có vay của bà Đ số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), thỏa thuận bằng miệng lãi suất 3%/tháng. Sau khi vay một thời gian, bà Đ nhập lãi vào vốn yêu cầu ông H và bà T viết biên nhận giấy tay với số tiền vay là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Nay ông H thống nhất và đồng ý trả toàn bộ số tiền vốn vay và

tiền lãi chậm trả 183.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu đồng) theo yêu cầu của nguyên đơn bà Đ. Nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có đủ khả năng thanh toán một lần nên xin được thanh toán hằng tháng từ 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đến 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng. Các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án. Riêng bị đơn bà Trần Ngọc T chấp hành chưa nghiêm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Đ thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu buộc ông H và bà T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền vốn vay 160.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả đối với số tiền vốn vay theo mức lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày 16-11-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn số tiền là 23.000.000 đồng, tổng cộng là 183.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu đồng) là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ vào Biên nhận ngày 16-10-2021 và trên cơ sở thống nhất và đồng ý trả toàn bộ số tiền vốn vay và tiền lãi chậm trả của ông H tại phiên tòa thì nguyên đơn bà Đ yêu cầu ông H và bà T phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền vốn vay và tiền lãi chậm trả 183.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu đồng), trong đó tiền vốn vay 160.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23.000.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ. Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông H và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại tiền vay và tiền lãi chậm trả nên xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn

cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện, tại phiên tòa nguyên đơn bà Đ thay đổi nội dung khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền vốn vay và tiền lãi chậm trả đối với tiền vốn vay theo mức lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày chậm trả nợ 16-11-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với tổng số tiền 183.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu đồng). Xét thấy, theo đơn khởi kiện ban đầu nguyên đơn bà Đ yêu cầu bị đơn ông H và bà T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ vốn vay, tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 1,66%/tháng, với tổng số tiền tính đến ngày 30-8-2022 là 186.560.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng), việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Đ và ông H đều thống nhất trình bày: Vào ngày 16-10-2021, ông H và bà T có hỏi vay tiền của bà Đ để đầu tư nuôi ba ba, thời hạn vay là 30 ngày, nhưng kể từ khi vay tiền đến nay, các bị đơn chưa trả lại tiền vay cho bà Đ như đã thỏa thuận. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đối chiếu với Biên nhận ngày 16-10-2021, tại dưới mục “người hỏi” có chữ ký tên của ông Trần Ngọc H và bà Trần Ngọc T. Từ đó, có cơ sở xác định, hiện nay ông H và bà T còn nợ tiền vay của bà Đ là đúng sự thật. Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nguyên đơn bà Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn ông H và bà T trả nợ vay và tiền lãi chậm trả là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về khoản tiền vay, theo nguyên đơn bà Đ cho rằng ông H và bà T vay số tiền vốn là 160.000.000 đồng và cung cấp chứng cứ để chứng minh là “Biên nhận ngày 16-10-2021” có chữ ký của ông H và bà T tại mục người hỏi. Tại phiên tòa, ông H cho rằng số tiền vay ban đầu là 120.000.000 đồng, sau khi vay tiền một thời gian, bà Đ nhập lãi vào vốn yêu cầu ông H và bà T viết biên nhận vay số tiền 160.000.000 đồng, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc bà Đ nhập lãi vào vốn vay, đồng thời, tại biên bản ghi lời ngày 27-02-2023, bị đơn ông H thừa nhận ông H và bà T có hỏi vay của bà Đ số tiền 160.000.000 đồng theo “Biên nhận ngày 16-10-2021” bằng chữ viết tay và ký tên trong biên nhận. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông H và bà T vay của bà Đ số tiền vốn 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Từ đó, nguyên đơn bà Đ yêu cầu buộc ông H và bà T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn vay 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về khoản tiền lãi, tại phiên tòa nguyên đơn bà Đ yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền vốn vay 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) chậm trả theo “Biên nhận ngày 16-10-2021”. Xét thấy, tại “Biên nhận ngày 16-10-2021” các bên không có thỏa thuận về lãi suất, mà có thỏa thuận thời hạn trả nợ vay là “30 (Ba mươi) ngày sau”. Nhưng kể từ khi vay

ngày 16-10-2021 đến nay, các bị đơn ông H và bà T vẫn chưa thanh toán khoản tiền vốn vay cho bà Đ. Căn cứ vào Điều 357, Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì nguyên đơn bà Đ yêu cầu các bị đơn ông H và bà T thanh toán tiền lãi chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả từ 16-11-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, là có căn cứ. Tại phiên tòa, bà Đ yêu cầu các bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền vốn vay 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) theo mức lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày chậm trả nợ 16-11-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn là 18 tháng, thành tiền là 23.904.000 đồng nhưng đồng ý giảm số lãi làm tròn là 23.000.000 đồng, bị đơn ông H cũng thống nhất thanh toán số tiền lãi chậm trả theo yêu cầu của bà Đ, xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Xét về thời hạn và phương thức thực hiện nghĩa vụ trả nợ, theo khoản 1 Điều 278 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên thỏa thuận, theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền”*. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về phương thức trả nợ, thời gian trả nợ. Mặt khác, theo thỏa thuận trong hợp đồng thì thời hạn trả nợ hiện nay đã quá hạn nên bị đơn ông H và bà T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ vốn vay và tiền lãi chậm trả một lần khi bà Đ có yêu cầu.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bà Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn ông H và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số phải thanh toán là 9.150.000 đồng (Chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 278; Điều 280; Điều 288; Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2

Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Đ.

Buộc ông Trần Ngọc H và bà Trần Ngọc T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Lê Thị Đ các khoản bao gồm:

- Tiền vốn vay là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng);
- Tiền lãi trên nợ gốc chậm trả tính đến ngày xét xử sơ là 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng);

Tổng cộng là 183.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị Đ cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Ngọc H và bà Trần Ngọc T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Ngọc H và bà Trần Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.150.000 đồng (Chín triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà Lê Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.664.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003526 ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Lưu: HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Luân